

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/KDTM-PT

Ngày: 15-10-2019

Về việc tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Hà**

Các Thẩm phán: Ông **Vương Minh Tâm**

Ông **Đặng Văn Lộc**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Có** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Phúc Vinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2017/TLPT-KDTM ngày 12/5/2017 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 20/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm **số 22/2019/QĐPT-KDTM, ngày 18 tháng 9 năm 2019** giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng N**; địa chỉ: Phường T, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Trương Văn P** - Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N, huyện M, tỉnh V (Theo văn bản ủy quyền số 82/NHN₀MT-UQ ngày 01 tháng 10 năm 2019). (Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Thạch Sơn T** - nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện M, tỉnh V.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Ông **Thạch S** - Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện M, tỉnh V. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Trương Kim Đ1**; nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện M, tỉnh V (Vắng mặt).

2/ Ông **Thạch S**; nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện M, tỉnh V (Có mặt).

3/ Bà **Trần Thị M**; nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V (Có mặt).

4/ Bà **Nguyễn Thị Hồng Đ1**; nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V (Vắng mặt).

5/ Bà **Lê Thị Thu B** - địa chỉ HKTT: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh V; chỗ ở: Ấp An Hội 1, xã Tân An Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

6/ Ông **Nguyễn Văn C** ; nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V.

*Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn C: Bà **Trần Thị M** ; nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V (Văn bản ủy quyền ngày 14/10/2019). (Có mặt).*

7/ Bà **Nguyễn Thị Hồng L** ; nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V (Vắng mặt).

8/ Bà **Nguyễn Thị Đ2**; nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V (Vắng mặt).

9/ Bà **Nguyễn Thị T1** ; nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V (Vắng mặt).

10/ Ông **Nguyễn Hoàng D2** ; nơi cư trú: Ấp H, xã M, huyện M, tỉnh V (Vắng mặt).

11/ Ông **Đặng Viết T2** ; nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn **Ngân hàng N**; bị đơn ông **Thạch Sơn T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 15/10/2014 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:*

Ngày 05/01/2011, Ngân hàng N có ký Hợp đồng tín dụng số 7302LAV201101102 với ông Thạch Sơn T với nội dung: Ngân hàng cho ông T vay số tiền vốn 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng); mục đích vay tiền để mua ghe, máy; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 19,5 %/năm, trả lãi theo kỳ gốc, lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận.

Để đảm bảo cho khoản tiền vay của ông T, giữa Ngân hàng, ông T và bà Trần Thị M đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 7302 LCP 2011 00286 ngày 05/01/2011 với nội dung: Bà M dùng tài sản quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản tiền vay của ông T theo Hợp đồng tín dụng số 7302LAV201101102 gồm các thửa đất sau:

+ Thửa đất 271 diện tích 1.710,3m², loại đất trồng cây lâu năm do bà Trần Thị M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BB 397063, sổ vào sổ CH00996, cấp ngày 20/8/2010, tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V.

+ Thửa đất 270 diện tích 3.761,7m², loại đất trồng lúa nước do bà Trần Thị M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BB 397062, sổ vào sổ CH00995, cấp ngày 20/8/2010, tọa lạc tại ấp P, xã B, huyện M, tỉnh V.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông T số tiền 250.000.000 đồng; sau đó, ông T chỉ trả cho Ngân hàng số tiền gốc được 20.000.000 đồng và tiền lãi là 113.499.028đ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà Trương Kim Đ1 (vợ ông T) phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng

số tiền vay còn nợ, bao gồm: Số tiền gốc còn nợ là 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng); số tiền lãi còn nợ tính đến ngày 13/09/2016 là 114.741.250đ (trong đó tiền lãi trong hạn là 85.464.167đ và tiền lãi quá hạn là 29.277.083đ); tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 344.741.250đ.

Yêu cầu ông T và bà Đ1 tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất theo hợp đồng đã ký kết; nếu không tự nguyện thì hành án sẽ xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 7302 LCP 2011 00286 ngày 05/01/2011.

** Bị đơn Thạch Sơn T trình bày:*

Ông T không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng; ông yêu cầu bà Trần Thị M phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Lý do: Ông không có nhu cầu sử dụng vốn vay của Ngân hàng, không có đơn đề nghị xin vay vốn của Ngân hàng, không có giao kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng. Ông được ông Thạch S (cha ông T) nhờ đến Ngân hàng ký tên vay tiền giúp bà Lê Thị Thu B thì ông có đi cùng với ông Thạch S một lần đến Phòng giao dịch Hòa Mỹ thuộc Ngân hàng N Chi nhánh huyện M, tỉnh V để ký tên vay tiền cho bà Thu B. Khi ông T đến Ngân hàng, ông S đưa các giấy tờ cho ông T ký tên, bản thân ông T không biết chữ nên không có đọc lại và không biết đã ký tên vào nội dung gì. Sau khi ký tên, ông T đi về. Ông T không có nhận tiền vay tại Ngân hàng. Việc trả tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng như thế nào ông T không biết. Giữa ông T và bà M cũng không thỏa thuận việc bà M dùng tài sản là quyền sử dụng đất thế chấp để đảm bảo khoản tiền vay cho ông T tại Ngân hàng. Ông T cũng không đến Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh V để ký, chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản với bà M.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trương Kim Đ1 trình bày:*

Bà Đ và ông T không có nhu cầu vay vốn tại Ngân hàng để sử dụng vào mục đích mua ghe máy vì ông bà đã có ghe máy để hoạt động kinh doanh. Bà Đ1 xác định Giấy đề nghị vay vốn, đề ngày 05/01/2011 chữ ký "Đ1" và ghi họ tên "Trương Kim Đ1" không phải là chữ ký và chữ viết của bà Đ1. Việc ông T ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thì bà Đ1 hoàn toàn không biết. Bà Đ1 và ông T cũng không sử dụng tiền vay. Do đó, bà Đ1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thạch S trình bày :*

Do bà Lê Thị Thu B có nhu cầu sử dụng tiền để kinh doanh nên giữa ông S, bà Lê Thị Thu B, ông Nguyễn Hoàng D2 (em ruột bà Thu B đồng thời là cán bộ tín dụng của Ngân hàng) thỏa thuận tìm người đứng tên vay tiền của Ngân hàng giúp; do đó, ông S có nhờ con ruột là ông Thạch Sơn T đến Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng số 7302LAV 201101102, ngày 05/01/2011 vay số tiền 250.000.000đ giúp cho bà Thu B. Toàn bộ thủ tục vay vốn là do ông D2 thực hiện. Sau khi hoàn tất các thủ tục vay vốn xong thì ông D2 báo cho ông S biết, ông S nhờ ông T đến Ngân hàng ký toàn bộ hồ sơ vay vốn. Đối với số tiền được Ngân hàng cho ông T vay, ông S trực tiếp nhận tiền của Ngân hàng và giao toàn bộ số tiền 250.000.000đ cho bà Thu B (bà Thu B có viết biên nhận cho ông

Thạch S). Đến hạn trả tiền gốc, tiền lãi thì ông D2 gửi tiền cho ông S thực hiện nghĩa vụ trả vốn, trả tiền lãi cho Ngân hàng. Ông Thạch Sơn T không thực hiện việc trả tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng D2 trình bày:*

Năm 2011, ông D2 giữ chức vụ Phó giám đốc Phòng giao dịch Hòa Mỹ - Kiềm cán bộ tín dụng phụ trách địa bàn xã Hòa Tịnh. Hồ sơ vay vốn giữa Ngân hàng đối với ông Thạch Sơn T là do ông D2 trực tiếp thực hiện từ giai đoạn thẩm định, trình xét duyệt, thẩm định tài sản thế chấp đảm bảo nợ vay của bà Trần Thị M. Do ông D2 và bà Lê Thị Thu B là chị em ruột, ông D2 biết tại thời điểm đó bà Thu B đang cần vốn để phát triển kinh tế nhưng lại không có điều kiện để vay vốn tại Ngân hàng. Ông D2, bà Thu B và ông S thỏa thuận tìm người đứng ra vay giùm, tìm người có tài sản để đảm bảo cho khoản vay; thủ tục vay vốn ông D2 sẽ thực hiện. Sau khi được Ngân hàng chấp nhận cho vay và giải ngân thì tiền vay bà Thu B sẽ là người sử dụng; tiền vốn, tiền lãi khi đến hạn bà Thu B sẽ trả cho Ngân hàng. Sau đó, bà Thu B, ông Thạch S đã nhờ ông Thạch Sơn T đứng tên vay tiền giùm bà Thu B; bà Trần Thị M sẽ dùng tài sản là giá trị quyền sử dụng đất thế chấp để đảm bảo cho khoản tiền vay của ông T. Để thực hiện thỏa thuận giữa bà Thu B, ông S, ông D2, ông D2 đã không thực hiện quy trình xét duyệt vay vốn của khách hàng đúng theo quy định, cụ thể:

Đối với Hợp đồng tín dụng: Ông D2 biết ông T không có nhu cầu sử dụng vốn vay, không có phương án vay vốn nhưng ông D2 vẫn lập thủ tục đề nghị vay vốn, phương án vay vốn với tên người đề nghị vay vốn là ông Thạch Sơn T.

Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 7302LCP 201100286, ngày 05/01/2011: Ông D2 không trực tiếp thực hiện các thủ tục: Gặp người thế chấp xem xét điều kiện thế chấp, xem xét tài sản đảm bảo nghĩa vụ thế chấp, thẩm định giá trị tài sản thế chấp, thực hiện thủ tục chứng thực theo quy định, mà ông D2 đã giao toàn bộ hồ sơ thế chấp cho bà Thu B trực tiếp thực hiện rồi đưa lại cho ông D2. Do đó, ông D2 cũng không xác định được chữ ký tại Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 7302LCP 201100286 ngày 05/01/2011 có phải là chữ ký của bà M, ông T hay không; cũng không xác định được bà M, ông T có đến Ủy ban nhân dân xã Hòa Tịnh, huyện Mang Thít để chứng thực chữ ký hay không. Sau đó, bà Thu B đã giao hồ sơ lại cho ông D2 và ông D2 đã trình ông Đặng Viết T2 xét duyệt cho vay và giải ngân.

Sau khi được Ngân hàng giải ngân tiền vay, ông D2 đã đưa tiền cho ông Thạch S để trả tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng hoặc ông D2 trực tiếp nộp rồi ký tên thay cho ông T. Ông D2 xác định toàn bộ tiền gốc 20.000.000đ và tiền lãi 113.499.028đ đã trả Ngân hàng là tiền của ông D2. Đối với số tiền gốc và tiền lãi mà ông D2 đã trả cho Ngân hàng, ông D2 không yêu cầu ông T, cá nhân hoặc tổ chức nào có trách nhiệm trả lại cho ông. Ông D2 đồng ý trả tiền gốc, lãi cho Ngân hàng đối với khoản tiền vay của ông T theo Hợp đồng tín dụng số 7302LAV 201101102 ngày 05/01/2011.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Viết T2 trình bày:

Hồ sơ tín dụng của ông Thạch Sơn T là do ông D2 phụ trách. Ông T2 thừa nhận chỉ xét duyệt hồ sơ vay vốn trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ do ông D2 trình. Ông T2 hoàn toàn không biết việc ông D2 đã lập hồ sơ vay vốn không đúng quy trình như ông D2 đã trình bày.

Bà Lê Thị Thu B trình bày:

Do bà Thu B có nhu cầu sử dụng vốn vay nhưng không có đủ điều kiện vay vốn nên bà đã thỏa thuận với ông Thạch S và ông D2 tìm người đứng tên vay tiền, người có tài sản thế chấp để đảm bảo khoản tiền vay giúp bà Thu B, ông Thạch S đồng ý và đã nhờ được ông T đứng tên vay tiền giúp, còn bà M dùng tài sản là quyền sử dụng đất thế chấp đảm bảo khoản tiền vay của ông T. Ông T đã vay giúp bà Thu B số tiền 250.000.000đ, bà Thu B đồng ý trả bà M số tiền 149.000.000đ để cho bà M trả nợ Ngân hàng.

Bà Trần Thị M trình bày:

Do bà M có nhu cầu sử dụng số tiền là 30.000.000đ nên bà hỏi vay tiền tại Ngân hàng thì được cán bộ tín dụng Ngân hàng trả lời là do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M mới cấp nên Ngân hàng không cho vay. Do đó, bà M có đến nhờ bà Thu B vay số tiền 30.000.000đ; bà Thu B đồng ý nhưng thông báo cho bà M biết cá nhân bà M không đứng ra vay được mà phải nhập chung với khoản vay của ông T, ông T sẽ ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, còn bà M chỉ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Thu B. Sau khi giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Thu B, bà Thu B có giao cho bà M số tiền vay là 30.000.000đ, khi nhận tiền của bà Thu B giao bà M có ký tên vào các giấy tờ như: Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, ngày 07/01/2011, Giấy thỏa thuận giao dịch tài sản chung, ngày 05/01/2011. Riêng chữ ký và chữ viết trong Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 7302LCP201100286 thì không phải là chữ ký và chữ viết của bà M. Bà Mai xác định chỉ nhờ bà Thu B vay số tiền 30.000.000đ nên đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền đã vay là 30.000.000đ. Đối với yêu cầu của Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là các thửa đất để đảm bảo khoản tiền vay của ông T thì bà M không đồng ý.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Hồng D1, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị Đ2 và Nguyễn Thị T1 trình bày:

Các ông, bà xác định thửa đất 271, diện tích 1.710,3m², loại đất trồng cây lâu năm và thửa đất 270, diện tích 3.761,7m², loại đất trồng lúa nước, cùng tọa lạc tại ấp Phước Thới C, xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, cùng do bà Trần Thị M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tài sản chung của ông C, bà D1, bà L, bà Đ2 và bà T1. Việc bà M đem các thửa đất nêu trên thế chấp để đảm bảo cho khoản tiền vay 250.000.000đ của ông T thì ông C, bà D1, bà L, bà Đ2 và bà T1 hoàn toàn không biết; hiện nay, trên thửa đất có căn nhà mà gia đình đang sinh sống. Ông C, bà D1, bà L, bà Đ2 và bà T1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 20/02/2017, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng N (do Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M, tỉnh V làm đại diện theo ủy quyền).

Buộc ông Thạch Sơn T trả Ngân hàng N (do Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh V làm đại diện theo ủy quyền) khoản tiền vay còn nợ như sau:

+ Số tiền vốn đã vay còn nợ lại: 230.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

+ Số tiền lãi 134.923.750đ # 134.923.700đ (Một trăm ba mươi bốn triệu chín trăm hai mươi ba ngàn bảy trăm đồng; thời hạn tính lãi đến ngày 22/02/2017).

Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 364.923.700đ (Ba trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm hai mươi ba ngàn bảy trăm đồng).

Ông T tiếp tục trả lãi đối với số tiền vốn còn nợ lại mức lãi suất nợ quá hạn theo hợp đồng tín dụng số 302LAV201101102 và các phụ lục hợp đồng tín dụng (nếu có) đã ký giữa Ngân hàng và ông T cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

2/ Vô hiệu Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 7302LCP 201100286 ngày 05/01/2011 được ký kết giữa Ngân hàng N (do Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh V làm đại diện), bà Trần Thị M và ông Thạch Sơn T.

Buộc Ngân hàng N (do Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh V làm đại diện) trả lại bà Trần Thị M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 397063, sổ vào sổ CH00996, cấp ngày 20/8/2010; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 397062, sổ vào sổ CH00995, cấp ngày 20/8/2010 theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 7302LCP 201100286 ngày 05/01/2011 được ký kết giữa Ngân hàng N (do Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh V làm đại diện), bà Trần Thị M và ông Thạch Sơn T.

3/ Chi phí giám định chữ viết, chữ ký: Buộc Ngân hàng nộp toàn bộ chi phí giám định chữ ký, chữ viết 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Bà Trần Thị M đã nộp tạm ứng nên buộc Ngân hàng phải nộp 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) để hoàn trả lại cho bà M.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 09/3/2017, nguyên đơn Ngân hàng N và bị đơn Thạch Sơn T kháng cáo bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 20/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận Hợp đồng thế chấp số 7302LCP201100286 ngày 05/11/2011 giữa Ngân hàng N với bà Trần Thị M và ông Thạch Sơn T là hợp pháp. Buộc bà Trần Thị M phải

chịu chi phí giám định chữ viết chữ ký 4.000.000đ. Lý do kháng cáo: Án sơ thẩm cho rằng tài sản thế chấp là của nhiều người trong hộ bà M là không đúng, mà tài sản là quyền sử dụng đất của riêng bà M; Hợp đồng đã được chính quyền chứng thực và được Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mang Thít chứng nhận việc thế chấp của bà M là hợp lệ; bà M thừa nhận đã ký đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, giấy thỏa thuận giao dịch tài sản chung.

Bị đơn ông Thạch Sơn T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N với ông Thạch Sơn T. Lý do kháng cáo: Ông không có nhu cầu vay vốn và không giao kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng mà toàn bộ hồ sơ và thủ tục vay vốn giữa ông và Ngân hàng là do cha ông là ông Thạch S nhờ ông đến Phòng Giao dịch xã H ký tên vào hồ sơ đã lập sẵn để bà Lê Thị Thu B vay vốn Ngân hàng; ngoài việc ký tên ra thì ông hoàn toàn không có nhận tiền giải ngân từ Ngân hàng và cũng chưa từng trả vốn và đóng lãi cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng N (do ông Trương Văn Phụng đại diện), bị đơn là ông Thạch Sơn T (do ông Thạch S đại diện), những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Thạch S, bà Trần Thị M, ông Nguyễn Văn C (do bà Trần Thị M đại diện) và ông Đặng Viết T2 đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 284, khoản 2 Điều 308, Điều 148 và Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận việc thay đổi kháng cáo và sự thỏa thuận của các đương sự: Bà Trần Thị M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 81.000.000đ tiền gốc và 10.000.000đ tiền lãi đến ngày 22/02/2017. Ông Thạch Sơn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 144.300.000đ tiền gốc và 124.923.700đ tiền lãi đến ngày 22/02/2017 và tiếp tục trả lãi trên số tiền gốc từ ngày 23/02/2017 đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng. Khi bà M trả xong số tiền theo thỏa thuận cho Ngân hàng thì Ngân hàng giải chấp tài sản thế chấp cho bà M. Nếu bà M không trả số tiền trên cho Ngân hàng thì bà M và ông C đồng ý phát mãi thửa đất số 270 và 271, cùng tọa lạc tại ấp Phước Thới C, xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 397062 và BB 397063 mà Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Mai ngày 20/8/2010 để thi hành án.

Các đương sự không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Ông Thạch Sơn T chịu 13.696.185đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho bà Trần Thị M. Ngân hàng chịu 4.000.000đ chi phí giám định chữ ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Kim Đ1, bà Nguyễn Thị Hồng D1, bà Nguyễn Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Đ2, bà Nguyễn Thị T1, bà Lê Thị Thu B, ông Nguyễn Hoàng D2 được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; do đó, căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự gồm nguyên đơn Ngân hàng N (do ông Trương Văn P đại diện), bị đơn là ông Thạch Sơn T (do ông Thạch S đại diện), những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Thạch S, bà Trần Thị M, ông Nguyễn Văn C (do bà Trần Thị M đại diện) và ông Đặng Viết T2 đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

+ Bà M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 91.000.000đ (trong đó bao gồm 81.000.000đ tiền gốc và 10.000.000đ tiền lãi). Ông T có nghĩa vụ trả số tiền gốc, lãi còn lại cho Ngân hàng tính đến ngày 22/02/2017 với số tiền tổng cộng là 269.223.000đ (gồm 144.300.000đ tiền gốc và 124.923.000đ tiền lãi); ông T còn tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền gốc còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 7302LAV201101102 ngày 05/01/2011 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh V, Phòng Giao dịch H và ông Thạch Sơn T kể từ ngày 23/02/2017 cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

+ Sau khi bà M thanh toán xong nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng trả lại cho bà M 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 397062 và BB 397063 do Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Trần Thị M ngày 20/8/2010.

+ Ngoài ra, bà M và ông C (chồng bà Trần Thị M, do bà Mai đại diện) tự nguyện đồng ý giao thừa đất số 270 và 271, cùng tọa lạc tại ấp Phước Thới C, xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long do Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Trần Thị M ngày 20/8/2010 cho cơ quan có thẩm quyền để phát mãi thi hành án, nếu bà M không thanh toán được nợ cho Ngân hàng.

Xét thấy, sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả lại cho các đương sự kháng cáo số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà các đương sự đã nộp. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được xác định lại như sau: Ông Thạch Sơn T chịu 13.461.000đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; do bà Trần Thị M là người

cao tuổi nên được miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Ngân hàng đã nộp.

[4] Về chi phí giám định: Ngân hàng tự nguyện chịu chi phí giám định chữ ký và chữ viết là 4.000.000đ; số tiền này Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho bà M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Sửa bản án sơ thẩm [số 02/2017/KDTM-ST ngày 20/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long](#), công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Bà Trần Thị M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền 91.000.000đ (Chín mươi một triệu đồng), trong đó bao gồm 81.000.000đ (Tám mươi một triệu đồng) tiền gốc và 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền lãi.

- Ông Thạch Sơn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền 269.223.000đ (Hai trăm sáu mươi chín triệu hai trăm hai mươi ba ngàn đồng), trong đó bao gồm 144.300.000đ (Một trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm ngàn đồng) tiền gốc và 124.923.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu chín trăm hai mươi ba ngàn đồng) tiền lãi tính đến ngày 22/02/2017.

- Ông Thạch Sơn T còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền gốc còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 7302LAV201101102 ngày 05/01/2011 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh V, Phòng Giao dịch H và ông Thạch Sơn T kể từ ngày 23/02/2017 cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

- Sau khi bà Trần Thị M thanh toán xong nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N trả lại cho bà Trần Thị M Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 397063, sổ vào sổ CH00996 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 397062, sổ vào sổ CH00995, cùng do Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Trần Thị M ngày 20/8/2010.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị M và ông Nguyễn Văn C (chồng bà Trần Thị M, do bà Trần Thị M đại diện): Nếu bà Trần Thị M không thanh toán được nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trên thì bà Trần Thị M và ông Nguyễn Văn C giao thừa đất số 270 và 271, cùng tọa lạc tại ấp Phước Thới C, xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long do Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Trần Thị M ngày 20/8/2010 cho cơ quan có thẩm quyền để phát mãi thi hành án.

3. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 và Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27/9/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí sơ thẩm:

Ngân hàng N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí là 7.682.000đ (Bảy triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn đồng) mà Ngân hàng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long theo biên lai thu số 022081 ngày 01/10/2014.

Ông Thạch Sơn T chịu 13.461.000đ (Mười ba triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho bà Trần Thị M.

- Án phí phúc thẩm:

Ngân hàng N và ông Thạch Sơn T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) mà Ngân hàng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long theo biên lai thu số 0005491 ngày 09/3/2017.

Hoàn trả lại cho ông Thạch Sơn T số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) mà ông T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long theo biên lai thu số 0005490 ngày 09/3/2017.

4. Về chi phí giám định: Căn cứ Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Ngân hàng N chịu 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) chi phí giám định chữ ký và chữ viết. Số tiền này Ngân hàng có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Trần Thị M.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh VL;
- TAND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- Đ/s;
- Lưu: Tòa Kinh tế; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa